

Số: 72/2014/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 03 tháng 4 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp và hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÓA XIII
KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 của liên bộ Nội vụ - Tài chính - Lao động Thương binh & Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố; Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 01/3/2007 của liên bộ: Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ; Thông tư số 85/2010/TT-BQP ngày 01/7/2010 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của

Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản; Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Quyết định số 4195/QĐ-BCA-V28 ngày 31/8/2012 của Bộ Công an về việc công nhận xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự;

Thực hiện Quy định số 169/QĐ-TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư về chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp; Công văn số 1063/BNV-CQĐP ngày 01/4/2014 của Bộ Nội vụ quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Xét Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 14/3/2014 của UBND tỉnh về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La; Báo cáo thẩm tra số 369/BC- HĐND ngày 28/3/2014 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp và hỗ trợ (hệ số phụ cấp, hỗ trợ X mức lương cơ sở) đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố (gọi chung là bản) trên địa bàn tỉnh:

1- Số lượng, chức danh, hệ số phụ cấp hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở bản (*Hệ số phụ cấp đã bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế*)

1.1- Đối với bản thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; bản thuộc xã, thị trấn loại 1 và loại 2:

- (1) Bí thư chi bộ: 0,8
- (2) Trưởng bản: 0,8
- (3) Công an viên: 0,5
- (4) Công an viên: 0,5
- (5) Bản đội trưởng: 0,5
- (6) Nhân viên y tế: 0,5

1.2- Đối với các bản thuộc xã, thị trấn còn lại:

- (1) Bí thư chi bộ: 0,6
- (2) Trưởng bản: 0,6
- (3) Công an viên: 0,5
- (4) Bản đội trưởng: 0,5
- (5) Nhân viên y tế: 0,3

1.3- Đối với bản thuộc phường:

- (1) Bí thư chi bộ: 0,6
- (2) Trưởng bản: 0,6
- (3) Bản đội trưởng: 0,5
- (4) Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: 0,3
- (5) Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: 0,2
- (6) Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: 0,2
- (7) Nhân viên y tế: 0,3

2- Hệ số hỗ trợ hàng tháng đối với các chức danh khác ở bản *(Hệ số hỗ trợ không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế)*

2.1- Trưởng ban MTTQVN; Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Chi hội Nông dân; Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ; Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được hưởng hệ số hỗ trợ:

(1) Đối với bản thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; bản thuộc xã, thị trấn loại 1 và loại 2: Hệ số hỗ trợ là 0,3/chức danh.

(2) Đối với các bản thuộc xã, phường, thị trấn còn lại: Hệ số hỗ trợ là 0,2/chức danh.

2.2- Chi hội trưởng chi hội người cao tuổi; nhân viên thú y bản thuộc xã *(không bao gồm bản thuộc phường, thị trấn)*; nhân viên văn hóa - truyền thanh được hưởng hệ số hỗ trợ:

(1) Đối với bản thuộc xã, thị trấn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; bản thuộc xã, thị trấn loại 1 và loại 2: Hệ số hỗ trợ là 0,15/chức danh.

(2) Đối với các bản thuộc xã, phường, thị trấn còn lại: Hệ số hỗ trợ là 0,1/chức danh.

2.3- Phó bí thư chi bộ; Chi ủy viên; Phó trưởng bản phải được phân công giữ chức danh quy định tại Khoản 1, Điều này và chỉ được hưởng hệ số phụ cấp của chức danh đó; trường hợp không thể phân công giữ các chức danh trên thì hệ số hỗ trợ được hưởng của chức danh Phó bí thư chi bộ là 0,3; Chi ủy viên là 0,2; Phó trưởng bản là 0,2.

3- Bổ trí kiêm nhiệm

Khuyến khích người hoạt động không chuyên trách quy định tại Khoản 1, Điều này kiêm nhiệm các chức danh quy định tại điểm 2.1, điểm 2.2, khoản 2 điều này; nếu kiêm nhiệm thì được hưởng thêm hệ số hỗ trợ của chức danh đó; trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một hệ số hỗ trợ cao nhất.

4- Hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở bản nghỉ việc

Đối với người hoạt động không chuyên trách mà nghỉ việc theo quy định của nghị quyết này thì được hỗ trợ mỗi năm hoạt động không chuyên trách là 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng, nhưng tối đa không quá 03 tháng phụ cấp hiện hưởng. Việc thực hiện và chi trả hỗ trợ nghỉ việc chỉ thực hiện trong năm 2014.

5- Nguồn kinh phí

Ngân sách Nhà nước đảm bảo; được bố trí trong dự toán ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014; thay thế Nghị quyết số 351/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 46/2013/NQ-HĐND ngày 14/3/2013 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 351/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1- UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XIII, kỳ họp chuyên đề lần thứ ba thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2014./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban KT-NS của Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu của UBTV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện uỷ, thành uỷ, HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Công báo tỉnh; Lưu trữ tỉnh;
- TT Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, PC (450b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Văn Chất